

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI**
Số: 56 /ECI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tập đoàn ECI.**
- Mã chứng khoán: **ECI**
- Địa chỉ trụ sở chính: **45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội**
- Điện thoại: **024.38213786 - 024.39728395** Fax: 024.39728395
- Email: Website: www.bandotranhanh.vn

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC bán niên năm 2023

BCTC riêng của công ty (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán bán niên năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023)

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn ECI vào ngày 24/08/2023 tại đường dẫn [www .bando tranh anh.vn](http://www.bando tranh anh.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023:
Không

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Tuấn Nam

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2023 của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất bán niên năm 2023.
- Văn bản giải trình LNST trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 30



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2023: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 024.9711404 – 8213786
- Website: www.ecigroup.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 39 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Ông Nguyễn Quốc Việt | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Ông Nguyễn Nam Phóng | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| • Ông Lưu Văn Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| | | Miễn nhiệm ngày 07/03/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Hoàng Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Lương Thị Thanh Duyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thanh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Đỗ Thị Thom | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08/06/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng ; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 961/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ lập ngày 21/08/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan, Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.629.198.424	34.357.356.961
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.375.396.404	16.778.096.979
1. Tiền	111	5	16.375.396.404	16.778.096.979
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.092.785.055	12.743.970.569
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.382.967.126	7.627.224.420
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	339.540.183	215.542.001
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.861.815.590	5.272.193.139
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(491.537.844)	(370.988.991)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.134.910.421	4.796.397.374
1. Hàng tồn kho	141		4.122.434.972	6.605.709.369
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.987.524.551)	(1.809.311.995)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.106.544	38.892.039
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	16.652.872	38.892.039
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.453.672	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.151.407.087	19.648.896.722
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.748.218.107	5.236.240.695
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.748.218.107	5.236.240.695
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	8.603.762.079
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.855.543.972)	(3.367.521.384)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	14.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.000.000.000	14.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		403.188.980	412.656.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	403.188.980	412.656.027
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.780.605.511	54.006.253.683

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.620.585.399	16.305.549.519
I. Nợ ngắn hạn	310		11.540.049.317	12.975.240.241
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.937.342.198	9.238.770.405
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.619.169	52.782.016
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	331.365.351	702.572.059
4. Phải trả người lao động	314		387.594.620	1.748.378.581
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	580.768.616	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	594.709.347	543.087.164
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	499.546.392	499.546.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		3.080.536.082	3.330.309.278
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	3.080.536.082	3.330.309.278
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.160.020.112	37.700.704.164
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	35.160.020.112	37.700.704.164
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	19	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	13.910.853.675	16.451.537.727
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	16.451.537.727	14.012.856.118
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	(2.540.684.052)	2.438.681.609
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.780.605.511	54.006.253.683



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	9.489.321.492	24.397.961.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	12.970.224	48.784.320
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		9.476.351.268	24.349.177.180
4. Giá vốn hàng bán	11	22	7.288.595.564	17.068.241.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.187.755.704	7.280.935.460
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.170.565	82.714.054
7. Chi phí tài chính	22	24	158.157.754	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		158.157.754	-
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	1.899.675.447	3.570.654.085
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	2.665.556.154	2.196.626.861
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.534.463.086)	1.596.368.568
11. Thu nhập khác	31		2.426.122	-
12. Chi phí khác	32		6.878.568	-
13. Lợi nhuận khác	40		(4.452.446)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.538.915.532)	1.596.368.568
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.768.520	329.946.634
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.540.684.052)	1.266.421.934



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.538.915.532)	1.596.368.568
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12	488.022.588	33.136.362
- Các khoản dự phòng	03		298.761.409	(736.967.849)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(1.170.565)	(82.714.054)
- Chi phí lãi vay	06	24	158.157.754	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.595.144.346)	809.823.027
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		521.182.989	(11.394.278.589)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.483.274.397	1.463.027.714
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.436.959.444)	1.551.136.191
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11	31.706.214	(1.129.134.561)
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(158.157.754)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(274.366.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(154.097.944)	(8.973.792.431)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.200.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	11.260.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	1.170.565	259.092.136
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.170.565	9.319.092.136

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(249.773.196)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.815.825.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(249.773.196)	(2.815.825.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(402.700.575)	(2.470.525.495)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	16.778.096.979	17.928.669.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	16.375.396.404	15.458.144.180



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty có 1 Công ty con:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và thương mại	80,00%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 (bắt đầu từ 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 30/06/2023).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có 1 Công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bàn đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	24.694.813	94.213.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.350.701.591	16.683.883.979
Cộng	16.375.396.404	16.778.096.979

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	552.766.000	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	477.435.915	802.764.915
Công ty CP Phát hành sách Hải Dương	395.403.039	212.911.839
Công ty TNHH Sách - Văn hoá Thời Đại	625.778.720	198.285.478
Các đối tượng khác	4.331.583.452	6.413.262.188
Cộng	6.382.967.126	7.627.224.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	24.882.398	22.784.040
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	-	554.860.800
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	121.520.000	258.336.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	134.772.000	-
Cộng	281.174.398	835.980.840

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Du lịch Người thám hiểm Việt Nam	75.200.000	1.700.000
Lại Thị Thảo	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Tư vấn Quy hoạch và Thẩm định giá	50.000.000	-
Các đối tượng khác	114.340.183	113.842.001
Cộng	339.540.183	215.542.001

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu thuế TNCN	27.934.673	-	63.964.339	-
Tạm ứng	5.833.880.917	-	5.158.228.800	-
- Bà Phạm Ngọc Huyền (bên liên quan) (*)	5.218.510.917	-	4.677.358.800	-
- Các đối tượng khác	615.370.000	-	480.870.000	-
Phải thu khác	-	-	50.000.000	-
Cộng	5.861.815.590	-	5.272.193.139	-

(*) Tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền để đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam. Việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 01/07/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	491.537.844	370.988.991
- Từ 3 năm trở lên	155.592.452	155.592.452
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	176.069.137	150.255.489
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	35.441.600	60.270.010
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	124.434.655	4.871.040
Cộng	491.537.844	370.988.991

10. Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.949.185	-	48.915.399	-
Thành phẩm	2.701.703.627	1.667.979.111	5.109.521.188	1.567.723.557
Hàng hóa	1.371.782.160	319.545.440	1.447.272.782	241.588.438
Cộng	4.122.434.972	1.987.524.551	6.605.709.369	1.809.311.995

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2023 là 2.232.735.855 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch xử lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2023.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.652.872	32.835.039
Chi phí bảo hiểm	-	6.057.000
Cộng	16.652.872	38.892.039

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	68.427.515	97.726.113
Tem và thẻ cào điện tử	14.611.953	13.915.471
Chi phí sửa chữa Nhà 45 Hàng Chuối	87.789.477	22.614.443
Chi phí khác	232.360.035	278.400.000
Cộng	403.188.980	412.656.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	342.503.748	7.861.948.626	399.309.705	8.603.762.079
Phân loại lại	-	(40.758.926)	40.758.926	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.503.748	7.821.189.700	440.068.631	8.603.762.079
Khấu hao				
Số đầu kỳ	342.503.748	2.639.951.367	385.066.269	3.367.521.384
Phân loại lại	-	(82.175)	82.175	-
Khấu hao trong kỳ	-	471.021.667	17.000.921	488.022.588
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.503.748	3.110.890.859	402.149.365	3.855.543.972
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	5.221.997.259	14.243.436	5.236.240.695
Số cuối kỳ	-	4.710.298.841	37.919.266	4.748.218.107

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 4.710.216.667 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 2.875.024.971 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. Đầu tư tài chính dài hạn**

30/06/2023

01/01/2023

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	-	-
- Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	80%	1.400.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	-	-
Cộng			14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	-	-

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
XN Bản đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	4.558.654.928	3.557.559.235
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	1.219.401.275	1.499.393.355
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	516.251.988	448.544.979
Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	1.272.000.000	1.522.000.000
Công ty TNHH Thiết kế và Quảng cáo Hướng Nam	298.085.000	998.085.000
Các đối tượng khác	1.072.949.007	1.213.187.836
Cộng	8.937.342.198	9.238.770.405

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	516.251.988	448.544.979
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	18.600.000
Cộng	516.251.988	467.144.979

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	83.305.340	15.720.061	83.305.340	-	15.720.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	285.591.161	1.768.520	-	-	287.359.681
Thuế thu nhập cá nhân	-	333.675.558	98.693.100	404.083.049	-	28.285.609
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	164.325.915	164.325.915	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	702.572.059	283.507.596	654.714.304	-	331.365.351

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí nhuận bút, bản thảo phải trả	501.109.503	-
Chi phí hoa hồng	79.659.113	-
Cộng	580.768.616	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	284.897.481	266.233.461
BHXH, BHYT, BHTN phải trả	50.564.717	-
Thù lao HĐQT, BKS	88.690.000	111.590.000
Thuế TNCN thu thừa	166.224.238	160.930.792
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.605.610	2.605.610
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
Cộng	594.709.347	543.087.164

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	499.546.392	249.773.196	249.773.196	499.546.392
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	499.546.392	249.773.196	249.773.196	499.546.392
Cộng	499.546.392	249.773.196	249.773.196	499.546.392

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	3.829.855.670	-	249.773.196	3.580.082.474
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	3.829.855.670	-	249.773.196	3.580.082.474
Cộng	3.829.855.670	-	249.773.196	3.580.082.474

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm 499.546.392 499.546.392

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn 3.330.309.278 3.080.536.082

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	14.012.856.118	35.262.022.555
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.438.681.609	2.438.681.609
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>18.600.000.000</u>	<u>(726.105.307)</u>	<u>2.633.994.225</u>	<u>741.277.519</u>	<u>16.451.537.727</u>	<u>37.700.704.164</u>
Số dư tại 01/01/2023	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	16.451.537.727	37.700.704.164
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(2.540.684.052)	(2.540.684.052)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2023	<u>18.600.000.000</u>	<u>(726.105.307)</u>	<u>2.633.994.225</u>	<u>741.277.519</u>	<u>13.910.853.675</u>	<u>35.160.020.112</u>

b. Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	16.451.537.727	14.012.856.118
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(2.540.684.052)	2.438.681.609
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	<u><u>13.910.853.675</u></u>	<u><u>16.451.537.727</u></u>

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/03/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30/06/2023, Công ty chưa thực hiện chốt quyền để chi trả số cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	7.194.774.345	15.288.882.922
Doanh thu thiết bị giáo dục	2.293.391.147	8.511.037.938
Doanh thu bán sách tham khảo	1.156.000	598.040.640
Cộng	9.489.321.492	24.397.961.500

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Hàng bán bị trả lại	12.970.224	48.784.320
Cộng	12.970.224	48.784.320

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	5.274.407.852	10.415.725.742
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.835.247.285	7.136.265.861
Giá vốn sách tham khảo	727.871	283.059.503
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	178.212.556	(766.809.386)
Cộng	7.288.595.564	17.068.241.720

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.170.565	82.714.054
Cộng	1.170.565	82.714.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí lãi vay	158.157.754	-
Cộng	158.157.754	-

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.072.519.082	1.386.942.672
Chi phí bốc xếp vận chuyển	97.289.300	337.094.488
Chi phí hoa hồng môi giới	79.659.113	1.109.385.081
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	372.172.417	390.568.752
Các khoản khác	278.035.535	346.663.092
Cộng	1.899.675.447	3.570.654.085

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	912.720.265	1.185.190.245
Chi phí thuê nhà	164.325.915	151.179.842
Chi phí giao dịch, hội nghị	162.823.588	82.161.703
Chi phí khấu hao	488.022.588	11.045.454
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	120.548.853	29.841.537
Các khoản khác	817.114.945	737.208.080
Cộng	2.665.556.154	2.196.626.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.538.915.532)	1.596.368.568
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	514.094.241	53.364.600
- Điều chỉnh tăng	514.094.241	53.364.600
+ Chi phí khấu hao (nguyên giá xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng)	337.688.333	-
+ Chi phí không hợp lệ	176.405.908	-
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	-	53.364.600
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.024.821.291)	1.649.733.168
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.768.520	329.946.634
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	329.946.634
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.768.520	-

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	498.751.379	1.795.312.600
Chi phí nhân công	2.199.666.181	4.834.818.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488.022.588	33.136.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.649.132.485	8.142.525.568
Chi phí khác bằng tiền	457.009.327	1.108.587.127
Cộng	7.292.581.960	15.914.379.881

28. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.937.342.198	-	8.937.342.198
Chi phí phải trả	580.768.616	-	580.768.616
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	3.080.536.082	3.580.082.474
Phải trả khác	259.247.149	-	259.247.149
Cộng	10.276.904.355	3.080.536.082	13.357.440.437
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.238.770.405	-	9.238.770.405
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	3.330.309.278	3.829.855.670
Phải trả khác	276.853.703	-	276.853.703
Cộng	10.015.170.500	3.330.309.278	13.345.479.778

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.375.396.404	-	16.375.396.404
Phải thu khách hàng	5.891.429.282	-	5.891.429.282
Phải thu khác	27.934.673	-	27.934.673
Cộng	22.294.760.359	-	22.294.760.359

<u>01/01/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.778.096.979	-	16.778.096.979
Phải thu khách hàng	7.256.235.429	-	7.256.235.429
Phải thu khác	113.964.339	-	113.964.339
Cộng	24.148.296.747	-	24.148.296.747

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Mối quan hệ</u>	
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Bà Phạm Ngọc Huyền	Cổ đông lớn
	Nhân viên công ty, người đại diện công bố thông tin

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

<u>Giao dịch</u>	<u>6 tháng đầu năm 2023</u>	<u>6 tháng đầu năm 2022</u>
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Bán bản đồ, tranh ảnh 23.615.273	9.496.381
Công ty CP Học liệu	Bán bản đồ, tranh ảnh 60.766.200	9.496.381
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh 532.015.080	448.475.200
	Mua thiết bị giáo dục 719.300.961	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Bán bản đồ, tranh ảnh 143.220.000	489.440.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Bán bản đồ, tranh ảnh 223.820.000	622.521.600
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Bán bản đồ, tranh ảnh 134.772.000	189.644.800
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng 27.130.000.000	-
	Hoàn ứng 26.588.847.883	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Chủ tịch HĐQT	-	3.640.000
Ông Nguyễn Nam Phóng	Phó chủ tịch HĐQT	-	16.404.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Trưởng Ban kiểm soát	-	2.022.000
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc	203.650.000	61.000.000
Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	235.527.343	351.492.765
Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	218.382.400	-

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang